

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *M8* /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày *27* tháng *3* năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/Qh15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Ống thép Vinrise Việt Nam tại Văn bản số 02/CV-GPMT ngày 14 tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3906/TTr-SNN&MT ngày 26 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Ống thép Vinrise Việt Nam (chủ dự án), địa chỉ: lô 91, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam tại: Lô 91, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

a) Tên dự án: Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam.

b) Địa điểm hoạt động: lô 91, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1201698241 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2025.

d) Mã số thuế: 1201698241.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, gia công ống đúc thép không gỉ.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 45.906 m².

- Nhóm dự án: dự án thuộc nhóm B, tổng mức đầu tư 845.915.000.000 VNĐ.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 30.000 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → xử lý bề mặt lần 1 → mài chỉnh sửa → (cắt phẳng → cán nguội) hoặc (nung bóng + hàn đầu → kéo nguội) → tẩy dầu → xử lý nhiệt → tinh chỉnh → cắt ống → làm sạch bề mặt → xử lý bề mặt lần 2 → kiểm tra → thụ động hóa → đóng gói → thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Đảm bảo giá trị giới hạn tối đa về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ống thép Vinrise Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ống thép Vinrise Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muen*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Tân Phước 3;
- Cty TNHH Phát triển KCN Long Giang;
- Cty TNHH Ống thép Vinrise Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn

KT. CHỦ TỊCH *moal*
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh Dieu
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 118 /GPMT-UBND
ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt của dự án (nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên) được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 40 m³/ngày đêm của dự án.

- Nước thải sản xuất của dự án (nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn xả đáy các bể xử lý bề mặt, xả đáy các bể thụ động hóa, xả đáy các bể nước rửa của quá trình xử lý bề mặt, xả đáy bể nước rửa của quá trình thụ động hóa, thay mới các bể dung dịch tẩy dầu của công đoạn tẩy dầu, thay mới các bể tuần hoàn của hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa, quá trình vệ sinh bồn lọc của hệ thống xử lý nước thải sản xuất) được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất có công suất 80 m³/ngày đêm của dự án (tổng lưu lượng nước thải 66,59 m³/ngày đêm).

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Giang theo Công văn số 303/CV.LG.25 ngày 11/11/2025 về việc thỏa thuận vị trí đầu nối hạ tầng lô 91 Khu công nghiệp Long Giang.

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ các khu nhà vệ sinh. Lưu lượng tối đa: khoảng 30,8 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy các bể xử lý bề mặt. Lưu lượng tối đa: khoảng 59,83 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy các bể thụ động hóa. Lưu lượng tối đa: khoảng 19,44 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy các bể nước rửa của quá trình xử lý bề mặt. Lưu lượng tối đa: khoảng 20,67 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy bể nước rửa của quá trình thụ động hóa. Lưu lượng tối đa: khoảng 5,85 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

- Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ hoạt động thay mới các bể dung dịch tẩy dầu của công đoạn tẩy dầu. Lưu lượng tối đa: khoảng 9,22 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 06 tháng/lần).



- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ hoạt động thay mới các bể tuần hoàn của hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa. Lưu lượng tối đa: khoảng 8 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

- Nguồn số 08: nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn lọc của hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Lưu lượng tối đa: khoảng 0,2 m³/ngày đêm (tần suất phát sinh 01 tuần/lần).

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với khu công nghiệp

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) Long Giang.

+ Nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang.

- Vị trí xả nước thải: Hồ ga đầu nối nước thải trên đường N7; tọa độ vị trí đầu nối nước thải: X=1157101; Y=561315 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang phải đạt thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty TNHH Phát triển KCN Long Giang.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang.

- Nước thải từ nguồn số: 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga giám sát nước thải của dự án → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang.

Bùn dư từ bể lắng → Bể chứa bùn → Hợp đồng thu gom, xử lý.

+ Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng sơ cấp → Bể lắng sơ cấp → Cụm bể phản ứng thứ cấp → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể điều chỉnh pH → Bể chứa nước sạch → Hồ ga giám sát nước thải của dự án → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang.

Bùn dư từ bể lắng sơ cấp và bể lắng thứ cấp → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Hợp đồng thu gom, xử lý.

+ Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: vôi CaCO₃, PAM, chất chống oxy hóa NaHSO₃, NaClO, NaOH, Na₂CO₃, HNO₃.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng, ngay sau khi hoàn thiện nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và chính thức đi vào vận hành. Dự kiến từ tháng 11/2026 - 04/2027.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 80 m³/ngày đêm.

c) Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

d) Chất ô nhiễm và giá trị cho phép của chất ô nhiễm: tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Giang (Mức 3):

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5 – 9
3	Độ màu	Pt/Co	50

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
4	BOD ₅	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	TSS	mg/l	300
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
8	Clo dư	mg/l	2
9	Crom (III)	mg/l	1
10	Crom (VI)	mg/l	1
11	Mn	mg/l	1
12	Ni	mg/l	1
13	Fe	mg/l	5
14	Tổng P	mg/l	6
15	Tổng N	mg/l	60
16	NH ₄ ⁺	mg/l	10
17	Coliform	MPN/100ml	5.000

d) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Long Giang.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố sẽ ngưng hoạt động tại khâu có phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong thì mới hoạt động trở lại

- Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Giang./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **118** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 1.
- Nguồn số 02: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 2.
- Nguồn số 03: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 3.
- Nguồn số 04: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 4.
- Nguồn số 05: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 5.
- Nguồn số 06: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 6.
- Nguồn số 07: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 7.
- Nguồn số 08: hơi axit phát sinh từ bể pha dung dịch axit số 8.
- Nguồn số 09: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 1.
- Nguồn số 10: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 2.
- Nguồn số 11: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 3.
- Nguồn số 12: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 4.
- Nguồn số 13: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 5.
- Nguồn số 14: hơi axit phát sinh từ bể xử lý bề mặt số 6.
- Nguồn số 15: hơi axit phát sinh từ bể thụ động hóa số 1.
- Nguồn số 16: hơi axit phát sinh từ bể thụ động hóa số 2.
- Nguồn số 17: bụi phát sinh từ máy mài số 1.
- Nguồn số 18: bụi phát sinh từ máy mài số 2.
- Nguồn số 19: bụi phát sinh từ máy phun cát.
- Nguồn số 20: bụi phát sinh từ máy đánh bóng.
- Nguồn số 21: bụi phát sinh từ máy đánh bóng cỡ trung số 1.
- Nguồn số 22: bụi phát sinh từ máy đánh bóng cỡ trung số 2.
- Nguồn số 23: bụi phát sinh từ máy đánh bóng cỡ trung số 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01 đến nguồn số 16): ống thải sau hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa; tọa độ vị trí xả thải: X = 1157309, Y = 561213.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 17, số 18): ống thải sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mài chỉnh sửa; tọa độ vị trí xả thải: X = 1157285, Y = 561321.

- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 19): ống thải sau hệ thống xử lý bụi từ máy phun cát; tọa độ vị trí xả thải: X = 1157318, Y = 561337.

- Dòng khí thải số 04 (tương ứng với nguồn số 20 đến nguồn số 23): ống thải sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình đánh bóng; tọa độ vị trí xả thải: X = 1157318, Y = 561314.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 106.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 82.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: 2.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: 12.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: xả khí thải gián đoạn (8 giờ/ngày).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần	Không
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 450	06 tháng/lần	
4	NO _x	mg/Nm ³	≤ 500		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 350		
6	Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua)	mg/Nm ³	≤ 4		
II	Dòng khí thải số 02, số 03, số 04				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần	Không
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (hệ thống số 01): nguồn phát sinh → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa → Ống thải → Nguồn tiếp nhận.

- Dòng khí thải số 02 (hệ thống số 02): nguồn phát sinh → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mài chỉnh sửa → Ống thải → Nguồn tiếp nhận.

- Dòng khí thải số 03 (hệ thống số 03): nguồn phát sinh → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý bụi từ máy phun cát → Ống thải → Nguồn tiếp nhận.

- Dòng khí thải số 04 (hệ thống số 04): nguồn phát sinh → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng → Ống thải → Nguồn tiếp nhận.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Dòng khí thải số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nguồn phát sinh → Khe hút, ống hút → Ống dẫn chính → Quạt hút → Tháp hấp thụ 1 → Tháp hấp thụ 2 → Tháp hấp thụ 3 → Tháp hấp thụ 4 → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 82.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Ca(OH)₂ 5%.

- Dòng khí thải số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nguồn phát sinh → Ống dẫn đồng bộ theo máy → Ống dẫn chính → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải Polyester.

- Dòng khí thải số 03:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nguồn phát sinh → Ống dẫn → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thải.

+ Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải Polyester.

- Dòng khí thải số 04:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nguồn phát sinh → Ống dẫn (4 hệ thống ống dẫn) → Quạt hút (4 quạt hút) → Thiết bị lọc bụi túi vải (4 thiết bị) → Quạt hút → Ống thải.

- + Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải Polyester.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng, ngay sau khi hoàn thiện nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và chính thức đi vào vận hành. Dự kiến từ tháng 11/2026 - 04/2027.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa, công suất 82.000 m³/giờ (hệ thống số 01).
- Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mài chỉnh sửa, công suất 10.000 m³/giờ (hệ thống số 02).
- Hệ thống xử lý bụi từ máy phun cát, công suất 2.500 m³/giờ (hệ thống số 03).
- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình đánh bóng, công suất 12.000 m³/giờ (hệ thống số 04).

c) Vị trí lấy mẫu:

- Dòng khí thải số 03: tọa độ vị trí lấy mẫu: X = 1157309, Y = 561213.
- Dòng khí thải số 04: tọa độ vị trí lấy mẫu: X = 1157285, Y = 561321.
- Dòng khí thải số 03: tọa độ vị trí lấy mẫu: X = 1157318, Y = 561337.
- Dòng khí thải số 04: tọa độ vị trí lấy mẫu: X = 1157318, Y = 561314.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiều 3^o).

Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
I	Dòng khí thải số 01		
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100
3	CO	mg/Nm ³	≤ 450
4	NO _x	mg/Nm ³	≤ 500
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 350
6	Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua)	mg/Nm ³	≤ 4
II	Dòng khí thải số 02, số 03, số 04		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

b) Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **118** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ khu vực xử lý bề mặt, thụ động hóa.
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ khu vực mài chỉnh sửa.
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung từ khu vực cắt.
- Nguồn số 04: tiếng ồn, độ rung từ khu vực lò xử lý nhiệt nung bóng, hàn đầu.
- Nguồn số 05: tiếng ồn, độ rung từ khu vực cán nguội.
- Nguồn số 06: tiếng ồn, độ rung từ khu vực kéo nguội.
- Nguồn số 07: tiếng ồn, độ rung từ khu vực xử lý nhiệt.
- Nguồn số 08: tiếng ồn, độ rung từ khu vực làm sạch bề mặt.
- Nguồn số 09: tiếng ồn, độ rung từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý hơi axit từ quá trình xử lý bề mặt, thụ động hóa.
- Nguồn số 10: tiếng ồn, độ rung từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mài chỉnh sửa.
- Nguồn số 11: tiếng ồn, độ rung từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ máy phun cát.
- Nguồn số 12: tiếng ồn, độ rung từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý bụi từ quá trình đánh bóng.
- Nguồn số 13: tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 14: tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tọa độ lấy tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung):

- Nguồn số 01: X = 1157303, Y = 561253.
- Nguồn số 02: X = 1157302, Y = 561332.
- Nguồn số 03: X = 1157284, Y = 561271.
- Nguồn số 04: X = 1157271; Y = 561316.
- Nguồn số 05: X = 1157214; Y = 561318.
- Nguồn số 06: X = 1157253; Y = 561269.

- Nguồn số 07: X = 1157229; Y = 561240.
- Nguồn số 08: X = 1157313; Y = 561310.
- Nguồn số 09: X = 1157308; Y = 561220.
- Nguồn số 10: X = 1157287; Y = 561337.
- Nguồn số 11: X = 1157317; Y = 561334.
- Nguồn số 12: X = 1157317; Y = 561316.
- Nguồn số 13: X = 1157147; Y = 561353.
- Nguồn số 14: X = 1157303, Y = 561235.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực văn phòng. Các chân đế, bệ bồn được gia cố bằng bê tông, lắp đệm chống ồn cho các máy móc. Thường xuyên bảo trì máy móc, thay thế phụ tùng cũ hư hỏng. Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân; trang bị nút tai, chụp tai chống ồn có hiệu quả.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su bên dưới máy phát điện để giảm rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **118** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	15
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	100
3	Các dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác	17 07 04	Lỏng	1.920
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	1.200
5	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	10
Tổng khối lượng				3.245

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Thép vụn, sản phẩm lỗi không dính thành phần nguy hại	1.656,68
2	Bụi kim loại, bụi cát	94,4
3	Bụi từ công đoạn mài chỉnh sửa	63,86
4	Đá mài, bánh nhám thải	5,33
5	Dây đai, bao bì đóng gói, thùng carton,.. thải	1,24
6	Giấy văn phòng thải	0,05
Tổng khối lượng		1.821,56

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 60 tấn/năm.

d) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	100
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	720
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	28.392
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	200
5	Hộp mực in thải (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 04	Rắn	5
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	76.883
7	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (bụi từ quá trình đánh bóng, cặn từ bể chứa nước làm mát của lò xử lý nhiệt)	07 03 11	Rắn/bùn	114.060
	Tổng khối lượng		-	220.360

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất thải: 180 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có thiết bị chữa cháy, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, bánh xe đẩy trong khu vực chứa chất thải sinh hoạt có nền bê tông, có kết cấu vách tường, có mái che, có gắn biển báo, có diện tích 6 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **118** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.



Số: 3906/TTTr-SNN&MT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc cấp giấy phép môi trường
của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp có nhận Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam tại Lô 91, khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp kèm theo Văn bản số 01/CV-GPMT ngày 09/12/2025 của Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam;

Qua rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam như sau:

1. Đối tượng thực hiện thủ tục Giấy phép môi trường

Dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam thuộc nhóm III quy định tại Mục II.2 Phụ lục V (Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Mục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Dự án thuộc nhóm III, do đó thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi Trường số 146/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 thì dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường

2. Thẩm quyền cấp phép

Căn cứ Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường 2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hồ sơ cấp giấy phép môi trường đã được tiếp nhận và thẩm định ngày 09/12/2025 trước ngày Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ có hiệu lực. Tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP có

quy định: “1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (trừ các điều, khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 63 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP) thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này”. Do đó, nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Nội dung thẩm định và nội dung trình phê duyệt

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam đã được Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thống nhất thông qua với điều kiện chỉnh sửa bổ sung; Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 1728/SNN&MT-MT ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp phép của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam.

Sau khi chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án, chủ dự án đã nộp lại báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo Văn bản số 02/CV-GPMT ngày 14 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam.

Qua rà soát Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam đã được chỉnh sửa theo yêu cầu tại Công văn 1728/SNN&MT-MT ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.


Do đó, căn cứ các quy định nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy phép môi trường cho dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam theo quy định./.

Đính kèm: Dự thảo nội dung Giấy phép môi trường dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Hội đồng thẩm định 30/QĐ-UBND ngày 09/01/2026;
- Lưu: VT, MT, Sơn (03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Kiệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam
- Tên dự án đầu tư: Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam
- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 30/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: 09 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2026.
- Địa điểm: Phòng họp Lầu 1 - Nhà làm việc Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Số 23, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp)

1. Thành phần tham dự phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định:

1.1. Hội đồng thẩm định:

- Thành viên hội đồng có mặt: 08/09.
- Thành viên hội đồng vắng mặt: 01 thành viên (Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Võ Châu Ngân), có gửi bản nhận xét.

1.2. Chủ dự án đầu tư:

- Công ty TNHH ống thép Vinrise Việt Nam: Ông Fang Han Quan - Tổng giám đốc
- Đơn vị tư vấn - Công ty TNHH xây dựng và môi trường Quốc Hưng: Bà Nguyễn Thanh Vân – Giám đốc

1.3. Đại biểu tham dự: Bà Huỳnh Thị Mỹ Dung, Bà Nguyễn Thị Xuân Nguyên và Bà Lê Gia Vi - VP. UBND tỉnh; ông Nguyễn Thanh Sơn - Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Nội dung và diễn biến phiên họp:

2.1. Thành viên thư ký thông báo lý do và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu Chủ tịch hội đồng điều hành phiên họp.

2.2. Đơn vị tư vấn đại diện Chủ dự án đầu tư trình bày nội dung báo cáo: Gồm 08 chương được quy định tại phụ lục IX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, với các nội dung chính như sau:

- Chương I: Thông tin chung về dự án đầu tư.
- Chương II: Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường.



- Chương III: Đánh giá được hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.
- Chương IV: Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất được các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Chương V: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.
- Chương VI: Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Chương VII: Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của dự án.
- Chương VIII: Cam kết của Chủ dự án đầu tư.

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với chủ dự án đầu tư về nội dung của báo cáo: không.

2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng:

2.4.1. Ông Nguyễn Võ Châu Ngân – Thành viên: (do thư ký Hội đồng Nguyễn Thành Tâm thông qua nhận xét): Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.2. Ông Nguyễn Thanh Hùng – Thành viên: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.3. Ông Tào Tấn Tài – Thành viên: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.4. Ông Trần Văn Toàn – Thành viên: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.5. Ông Lê Hiếu Nghĩa – Thành viên: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

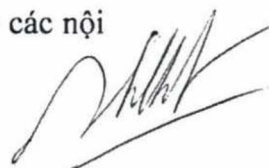
2.4.6. Ông Đinh Minh Hải – Thành viên: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.7. Ông Nguyễn Thành Tâm - Thành viên thư ký: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.8. Ông Nguyễn Văn Kiệt – Phó chủ tịch Hội đồng: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).



Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.4.9. Ông Nguyễn Thành Diệu – Chủ tịch Hội đồng: Trình bày các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (Đính kèm bản nhận xét).

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

2.5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có): không

2.6. Ý kiến của chủ dự án đầu tư:

Chủ đầu tư dự án xin tiếp thu các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định và sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn bổ sung, làm rõ các vấn đề mà Hội đồng đã góp ý để hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

3.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: 00/09.

3.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: 08/09. Ông Nguyễn Võ Châu Ngân vắng, theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT “5. Thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt được gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng nhưng không viết phiếu thẩm định”.

3.3. Số phiếu không thông qua báo cáo: 00/09.

4. Kết luận phiên họp:

Ông Nguyễn Thành Diệu - Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án công bố kết luận của hội đồng thẩm định và lưu ý các nội dung như sau:

- Các thành viên Hội đồng đã nghiên cứu, có ý kiến góp ý cụ thể nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng.

- Dự án Nhà máy ống thép Vinrise Việt Nam có loại hình sản xuất tương tự một số dự án đã có hoạt động trong khu công nghiệp Long Giang, do đó các công trình xử lý chất thải của dự án có tham khảo, nghiên cứu các dự án tương tự đang hoạt động để đảm bảo hiệu quả xử lý và phải cố gắng thực hiện tốt hơn hiện trạng.


- Thực hiện biện pháp đấu nối chất thải đúng yêu cầu của khu công nghiệp Long Giang; thực hiện công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp. Rà soát lại chất thải phát sinh để bố trí các khu vực, lưu chứa, quản lý phù hợp với khối lượng và chủng loại phát sinh. Rà soát lại các công trình biện pháp xử lý bụi để có giải pháp thực hiện phù hợp.

- Hội đồng thẩm định thống nhất thông qua báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung.



5. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Diệu

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Tâm